

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17/2021/HNGĐ-PT**

Ngày 10 tháng 6 năm 2021

(V/v chia tài sản sau ly hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ninh Quang Thế**

Các Thẩm Phán: - Ông **Đặng Minh Trung**

- Bà **Nguyễn Thị Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Thúy An** – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Dẽ** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 06/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2021 về việc “*Chia tài sản sau ly hôn*”.

Do bản án HNGĐ sơ thẩm số: 38/2021/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân Tp.C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị T**, sinh năm 1966; Địa chỉ cư trú: Số 01 – 02, đường số 03, Ngõ Gia Tự, khóm 5, phường 5, Tp.C, tỉnh c. (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyexn Văn K**, sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: Số 97, Huỳnh Thúc Kháng, khóm 7, phường 7, Tp.C, tỉnh c là người đại diện theo ủy quyền của bà Thanh, văn bản ủy quyền ngày 10/9/2019. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Tô Lý Th**, sinh năm 1967; Địa chỉ cư trú: Số 150, Quang Trung, khóm 5, phường 5, Tp.C, tỉnh c. (Có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà **Võ Thị T** là nguyên đơn. Ông **Tô Lý T** là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Quyết định số 27/2008/QĐST-HNGĐ ngày 02/5/2008 của Tòa án nhân dân Tp.C, công nhận cho bà **Võ Thị Thanh** và ông **Tô lý th** thuận tình ly hôn, về tài sản vợ chồng tự thỏa thuận, nhưng sau khi ly hôn thì việc thỏa thuận giữa hai người chưa được thống nhất.

Bà T trình bày: Tài sản chung của vợ chồng có một phần đất ruộng diện tích 1.000m², thuộc thửa số 115 và một phần thửa 113, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại khóm 8, phường 5 Tp.Cà Mau, tỉnh c. Nguồn gốc đất là do ông nội chồng là cụ Tô Thành Hiệp cho chung vợ chồng, thể hiện tại hai tờ cho đất ngày 02/02/1986 và ngày 19/8/1997, tờ cho đất ngày 19/8/1997 có nhờ ông Ngô Minh Trí ký tên làm chứng, hiện nay phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 01/6/2007, bà Lý Thị Lắm là cô chồng có khởi kiện vợ chồng bà tranh chấp phần đất nêu trên, sau đó bà Lắm đã rút đơn khởi kiện, Tòa án Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 88/2007/QĐST-DS ngày 13/8/2007. Cùng thời điểm này nhà nước quy hoạch xây dựng khu đô thị cửa ngõ Đông Bắc, đã thu hồi một phần có diện tích 245,5m², và đền bù số tiền 24.550.000 đồng, số tiền này ông Th nhận, bà không hay biết. Ngoài ra, ông Th còn bán một phần diện tích cho ông Nguyễn Phước Hoàng cặp ranh, diện tích bán bao nhiêu bà không rõ. Diện tích còn lại hiện nay theo đo đạc thực tế là 380,6m², năm 2016 bà cất nhà ở và quản lý cho đến nay. Bà yêu cầu ông Th phải có trách nhiệm phân chia cho bà 500m² đất nằm trong tổng diện tích 1.000m² mà cụ Hiệp cho chung vợ chồng.

Ông Tô lý th trình bày: Sau khi được Tòa án cho ly hôn, ông và Bà T đã tự thỏa thuận xong về tất cả các tài sản chung của vợ chồng. Đối với phần đất mà bà Thanh yêu cầu phân chia, có nguồn gốc của ông nội ông tên Tô Thành Hiệp (chết năm 2016) và bà nội tên Đỗ Thị Lường (chết năm 1992) cho cá nhân ông vào năm 1994, ông nội có làm giấy tặng cho riêng cá nhân ông. Khoảng năm 2006 – 2007 quy hoạch khu đô thị cửa ngõ Đông Bắc, nhà nước đã thu hồi một phần, đền bù số tiền 24.500.000 đồng, ông trực tiếp nhận số tiền này, phần đất còn lại theo đo đạc thực tế có diện tích 380,60m², năm 2014 ông kê khai đăng ký quyền sử dụng đất thì bị Bà T ngăn cản cho đến nay. Ông không đồng ý phân chia đất theo yêu cầu của bà Thanh.

Từ nội dung trên, tại Bản án HNGĐ sơ thẩm số: 38/2021/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân Tp.C quyết định:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thi T, cụ thể:
- Phần đất theo đo đạc có diện tích 380,6m² thuộc thửa số 115 và một phần thửa 113, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại khóm 8, phường 5, Tp.C, tỉnh c, bà Võ Thi T và ông Tô lý th mỗi người được nhận 50% khối tài sản có giá trị 2.144.350.600 đồng.

Giao toàn bộ phần đất diện tích 380,6m² thuộc thửa số 115 và một phần thửa 113, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại khóm 8, phường 5, Tp.C, tỉnh c cho bà Võ Thi T tiếp tục quản lý sử dụng. Bà Võ Thi T có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Tô lý th số tiền 1.072.175.300 đồng.

- Phần đất có diện tích bị thu hồi 245,5m² xây dựng khu đô thị cửa ngõ Đông Bắc Tp.C, giá trị đền bù 24.550.000 đồng. Ông Tô lý th, bà Võ Thi T mỗi người được nhận 50% giá trị đền bù. Ông Tô lý th có trách nhiệm hoàn lại cho Bà T 12.275.000 đồng.

Đối trừ các khoản Bà T và ông Th phải hoàn trả cho nhau. Bà Võ Thi T có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Tô lý th tổng số tiền 1.053.581.800 đồng.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thi T về việc chia phần đất có diện tích $245,5\text{m}^2$ bị thu hồi để xây dựng khu đô thị cửa ngõ Đông Bắc.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và lãi suất chậm thi hành của các đương sự.

- Ngày 19/3/2021 bà T kháng cáo yêu cầu chia đôi tổng diện tích đất $626,1\text{m}^2$, bà xin nhận hết diện tích đất theo đo đạc thực tế $380,6\text{m}^2$, và hoàn trả giá trị phần chênh lệch đất cho ông Th tương đương diện tích $67,55\text{m}^2$.

- Ngày 29/3/2021 và 29/5/2021 ông Th kháng cáo và thay đổi bổ sung kháng cáo, yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của bà T, giao toàn bộ phần đất tranh chấp cho ông, nếu Tòa án xác định bà T có công đóng góp trong phần đất này thì ông đồng ý hoàn tiền cho bà T 50% giá trị đất, phần kiến trúc nhà của bà T ông đồng ý hoàn trả giá trị theo chứng thư thẩm định giá.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định phần đất 1.000m^2 được cụ Hiệp tặng cho chung vợ chồng Bà T, trong đó phần đất bị thu hồi $245,5\text{m}^2$, giá trị đền bù là 24.550.000 đồng. Yêu cầu lấy diện tích phần đất còn lại theo đo đạc thực tế là $380,6\text{m}^2$ cộng với phần đất bị thu hồi $245,5\text{m}^2$ bằng $626,1\text{m}^2$, chia đôi mỗi người hưởng $313,05\text{m}^2$, hiện nay Bà T đang quản lý $380,6\text{m}^2$ và cất nhà ở nên giao toàn bộ phần đất này cho Bà T, bà hoàn lại giá trị phần diện tích đất chênh lệch cho ông Th là $67,55\text{m}^2$ theo giá thẩm định.

- Ông Th cho rằng phần đất tranh chấp là do cụ Hiệp tặng cho riêng ông vào năm 1994, đến 21/02/2014 có thiết lập hợp đồng tặng cho được Công chứng chứng thực, ông yêu cầu được nhận phần đất này để làm nơi thờ cúng ông bà, đồng ý hoàn lại cho bà Thanh 50% giá trị theo kết quả thẩm định. Đối với căn nhà và công trình trên đất do Bà T xây dựng, ông đồng ý hoàn lại giá trị cho Bà T theo kết quả định giá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh c phát biểu ý kiến: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ về tài sản phát sinh trên phần đất tái định cư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà T, ông Th nộp trong hạn luật định, được HĐXX xem xét theo quy định. Cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điều 28, 35 Bộ luật TTDS.

[2] Xét kháng cáo của ông Th: Cùng một diện tích đất 1.000m^2 bà T cung cấp hai tờ cho đất xác lập ngày 02/02/1986 và ngày 19/8/1997 và một giấy xác nhận cho đất lần thứ hai xác lập ngày 22/3/2015, người cho là cụ Hiệp, đối tượng được cho là vợ chồng bà T ông Th, tất cả đều không được cơ quan, tổ chức nào có thẩm quyền chứng thực. Đối với ông Th cung cấp hai văn bản cụ Hiệp cho đất cá nhân ông ngày 15/01/1994 văn bản này không có cơ quan, tổ chức nào chứng thực, và một văn bản thỏa thuận về tài sản được cơ quan Công chứng chứng thực

vào ngày 21/02/2014, nội dung cụ Hiệp tặng cho ông Th phần đất nêu trên, hai nguồn chứng cứ mà hai bên đương sự cung cấp có sự mâu thuẫn với nhau, giá trị chứng minh là không cao, HĐXX xem xét các chứng cứ khác thông qua các cơ quan chức năng và trực tiếp ghi ý kiến của cụ Hiệp, cụ thể khi bà Lâm tranh chấp phần đất này với ông Th năm 2007 Tòa có tiến hành hòa giải với sự có mặt của cụ Hiệp, cụ xác định phần đất này cụ cho ông Th BL 183, trước đó vào năm 2000 khi bà Lâm thừa ông Th đến UBND phường 5 Tp.C, UBND phường 5 đã tiến hành xác minh trực tiếp với cụ Hiệp, cụ xác định phần đất tranh chấp cụ cho ông Th BL 179, sau khi bà T ông Th được Tòa án cho ly hôn, hai người đã thỏa thuận phân chia xong rất nhiều tài sản như: nhà, đất ở đường Quang Trung, đất ở đường số 01, đất ở đường Ngô Gia Tự, đất ở phường Tân Thành tất cả đều cho con, đất ở đường Vành đai hai chia cho hai vợ chồng, tuy nhiên phần đất tranh chấp lại không thể hiện phân chia, cùng năm 2014 giữa bà Nhẫn với ông Bạch bà Chi tranh chấp đất liên quan đến cụ Hiệp, UBND phường 5 Tp.C có biên bản xác minh nguồn gốc đất của cụ Hiệp, cụ khai phần đất tranh chấp cụ cho ông Th BL 76, đến năm 2016 khi nhà nước quy hoạch khu dân cư cửa ngõ Đông Bắc có thu hồi một phần, trong phần đất đang tranh chấp, khi đó UBND phường 5 có lấy phiếu ý kiến khu dân cư về nguồn gốc đất bị thu hồi để tiến hành thủ tục bồi thường tái định cư, trong biên bản tất cả đều xác định phần đất tranh chấp của cụ Hiệp cho ông Th BL 74. Như vậy có cơ sở xác định phần đất đang tranh chấp là của cụ Hiệp cho cá nhân ông Th. Tuy nhiên cũng phải ghi nhận việc bà T là người có công trong việc cải tạo, gìn giữ đất và bảo tồn được giá trị đất cho đến hôm nay, bà đã từng phát đơn khởi kiện tranh chấp với hộ lân cận để bảo vệ QSD phần đất này, cụ thể là tranh chấp với ông Nguyễn Phước Hoàng cập ranh vì cho rằng phần đất ông Hoàng đang sử dụng mua của ông Thành không có sự đồng ý của bà, nhưng trong giai đoạn Tòa án tiến hành chuẩn bị xét xử bà rút đơn khởi kiện vì không có chứng cứ, Tòa án đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà BL 94, cho nên bà phải được chia công sức trong việc gìn giữ bảo tồn phần đất này. Tại phiên tòa ông Th đồng ý chia cho bà T 50% tổng giá trị đất, nên chấp nhận cách phân chia 50% cho mỗi bên của cấp sơ thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà T: Đối với phần diện tích đất 245,5m² bị thu hồi, bà T yêu cầu cộng diện tích đất này vào để phân chia, vì cho rằng nhà nước thu hồi đất có bán lại phần đất tái định cư, ông Th nhận phần tái định cư đó bán cho bà Phan Thúy Vy, nên phải chia theo diện tích đất bị thu hồi. Theo thông báo bồi hoàn và nhận đất ở có hạ tầng của Ban quản lý dự án đông bắc BL 304, 305 thể hiện diện tích phần đất bị thu hồi 245,5m², số tiền được đền bù 24.550.000đ, được nhận diện tích đất ở không thu tiền là 24,5m², diện tích đất mua thêm cho đủ một nền nhà là 71,28m², số tiền mua thêm là 92.664.000đ, ông Th ký hợp đồng nhận chuyển nhượng và thanh lý hợp đồng với Ban quản lý dự án Đông Bắc vào năm 2012, thời điểm này bà T ông Th đã ly hôn, số tiền ông Th bỏ ra mua thêm đất từ Ban quản lý dự án Đông Bắc là của cá nhân ông Th không liên quan đến bà T, hơn nữa theo phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc đất bị thu hồi để tiến hành thủ tục bồi thường tái định cư, tất cả đều xác định phần đất tranh chấp của cụ Hiệp cho ông Th BL 74, cho nên căn cứ để bà T yêu cầu cộng

cả diện tích đất đã bị thu hồi vào để phân chia là không phù hợp. Như thông báo bồi hoàn và nhận đất ở thì diện tích đất bị thu hồi 245,5m², được nhận diện tích đất ở 24,5m², tại phiên tòa ông Th chấp nhận chia cho bà T giá trị 24,5m² được giao và quyền được ưu tiên mua phần tái định cư bằng 35.000.000đ, nên chấp nhận một phần yêu cầu của bà T về vấn đề này bằng 35.000.000đ là phù hợp.

[4] Đối với kháng cáo xin được nhận đất của ông Th, và bà T, HĐXX nhận thấy, nhu cầu về chỗ ở bà T không thiếu vì hiện nay bà đang sinh sống tại nhà số 01-02 đường số 03 Ngô Gia tự, phường 5 Tp.Cà Mau, khi phân chia tài sản ông Th đã phân chia cho bà T và cho các con hết tài sản, ông chỉ còn lại duy nhất phần đất tranh chấp, hiện tại ông đang thuê nhà để ở, và là người đang có nhu cầu về nhà ở nhiều hơn bà T, hơn nữa nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ Hiệp (ông nội của ông Th) cho ông Th, mục đích ông Th xin nhận đất để sống gần người thân, dòng họ và thờ cúng ông bà, nên giao phần đất này cho ông Th sử dụng là hợp lý, do đó chấp nhận kháng cáo của ông Th về vấn đề này, ông Th hoàn trả giá trị đất theo kết quả thẩm định giá cho bà T là phù hợp. Đối với căn nhà và phần kiến trúc khác trên đất là tài sản của cá nhân bà T, không tiện di dời, bản thân ông Th đồng ý nhận phần kiến trúc xây dựng trên đất, hoàn trả giá trị theo kết quả thẩm định giá của bà T là phù hợp.

[4] Đối với ý kiến của đại diện VKS, như nhận định trên phần đất tái định cư ông Th là người bỏ tiền ra mua vào năm 2012, lúc này vợ chồng đã ly hôn, đất bị thu hồi chưa được cấp QSDĐ, ông Th là người đứng tên giao dịch đất với Ban quản lý dự án Đông Bắc và được cơ quan có thẩm quyền xác minh nguồn gốc là của cụ Hiệp cho ông Th, đồng thời ông Th cũng đồng ý hoàn lại khoản tiền này cho bà T là 35.000.000đ, nên không cần thiết phải ngừng phiên tòa như đề nghị của VKS.

[5] Những vấn đề khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm trong hôn nhân các đương sự phải chịu theo quy định tại điều 147 BLTTDS, án phí phúc thẩm bà T, ông Th không phải chịu theo quy định tại điều 148 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 điều 308; điều 309, 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị T và ông Tô Lý Th, sửa bản án HNGĐ sơ thẩm số: 38/2021/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân Tp.C, tỉnh c. *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T:

- Giao toàn bộ phần đất có diện tích 380,6m² thuộc thửa số 115 và một phần thửa 113, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại khóm 8, phường 5, Tp.C, tỉnh c, theo kết quả thẩm định, có giá trị bằng 2.144.350.600 đồng cùng với căn nhà cấp 4, khung cột sắt tiền chế, vách tường, nền lát gạch ceramic, mái tole, và các công

trình kiến trúc khác gắn với căn nhà trên đất, cùng với 12.275.000 đồng tiền nhà nước thu hồi đất đền bù cho ông Th sử dụng và sở hữu (Số tiền nhà nước thu hồi đất đền bù là 24.550.000 đồng ông Th đang quản lý).

- Ông Thành có trách nhiệm hoàn lại cho bà T 50% giá trị phần đất bằng 1.072.175.300 đồng, cùng 12.275.000 đồng tiền nhà nước đền bù thu hồi đất, và 35.000.000đ tiền giá trị nhà nước giao 25,5m² đất tái định cư (Không tính phần mua thêm). Ngoài ra ông Th còn hoàn trả cho bà T 100% giá trị phần kiến trúc nhà và các công trình kiến trúc khác trên đất được thẩm định giá bằng 67.201.400 đồng.

Bà T đang quản lý nhà, đất có trách nhiệm bàn giao cho ông Th - Đồng thời ông Th có trách nhiệm hoàn trả cho bà T các khoản tiền bà được hưởng nêu trên tổng cộng bằng 1.186.651.700 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thi T về việc chia toàn bộ phần đất có diện tích 245,5m² bị thu hồi để xây dựng khu đô thị cửa ngõ Đông Bắc.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Th hoàn trả lại cho Bà T số tiền 6.318.500 đồng.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà T phải nộp 47.599.551đ, ông Th phải nộp 44.533.509đ.

Án phí dân sự phúc thẩm các đương sự không phải chịu, ngày 19/3/2021 ông Th đã dự nộp 300.000đ theo lai thu số 0808 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp.C – Ngày 23/3/2021 bà T đã dự nộp 300.000đ theo lai thu số 0836 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp.C – Ông, bà được hoàn lại

5. Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Đối với khoản tiền hoàn trả, kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Th không tự nguyện thi hành xong, thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh c;
- Tòa án nhân dân Tp.C;
- Chi cục THADS Tp.C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ninh Quang Thế

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Trung

Nguyễn Thị Hiền

Ninh Quang Thế

- Bà Thanh được hưởng 50% giá trị phần đất có diện tích 380,6m² thuộc thửa số 115 và một phần thửa 113, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại khóm 8, phường 5, Tp.C, tính c bằng 1.072.175.300 đồng (Tổng giá trị phần đất là 2.144.350.600 đồng), cùng 12.275.000 đồng tiền nhà nước đền bù thu hồi đất, và 35.000.000đ tiền giá trị nhà nước giao 25,5m² đất tái định cư (Không tính phần mua thêm). Ngoài ra bà Thanh còn được hưởng 100% giá trị phần kiến trúc nhà và các công trình kiến trúc khác trên đất được thẩm định giá bằng 67.201.400 đồng.

- Ông Thành được hưởng 50% giá trị phần đất nêu trên bằng 1.072.175.300 đồng, cùng với 12.275.000 đồng tiền nhà nước thu hồi đất đền bù, cùng 35.000.000đ tiền giá trị đất nhà nước giao 25,5m² đất tái định cư (Số tiền nhà nước thu hồi đất đền bù, và tiền giá trị đất nhà nước giao ông Thành đang quản lý).

Giao toàn bộ phần đất có diện tích 380,6m² thuộc thửa số 115 và một phần thửa 113, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại khóm 8, phường 5, Tp.C, tỉnh c, cùng với căn nhà cấp 4, khung cột sắt tiền chế, vách tường, nền lót gạch ceramic, mái tole, và các công trình kiến trúc khác gắn với căn nhà trên đất, cho ông Thành sử dụng, và sở hữu, bà Thanh đang quản lý nhà, đất có trách nhiệm bàn giao cho ông Thành - Đồng thời ông Thành có trách nhiệm hoàn trả cho bà Thanh các khoản tiền bà được hưởng nêu trên tổng cộng bằng 1.186.651.700 đồng.

công nhận phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 380,6m² thuộc thửa số 115 và một phần thửa 113, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại khóm 8, phường 5, Tp.C, tỉnh c, theo kết quả thẩm định, có giá trị là 2.144.350.600 đồng, và khoản tiền nhà nước thu hồi 245,5m² đất, xây dựng khu đô thị cửa ngõ Đông Bắc Tp.C, đền bù tổng số 24.550.000 đồng là tài sản chung của bà Võ Thị T và ông Tô lý th. Được phân chia như sau: